TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2017/DSPT
Ngày: 27/9/2017
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà ***Lê Thị Minh Trang***
- *Các Thẩm phán*: 1/ Bà ***Võ Phương Nhi***
2/ Bà ***Huỳnh Thị Bích Vân***
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà ***Nguyễn Thị Mỹ Trinh***
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ*: Bà ***Nguyễn Xuân Lan*** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số : 136/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Ô Môn, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số : 211/2017/QĐPT-DS ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Tuyết M** sinh năm 1969; Có mặt
Địa chỉ: Số 29, khu vực T, phường T, quận O, thành phố C.
Đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Tuấn K** sinh năm 1957 – Có mặt
Địa chỉ: KV. T, phường T, quận O, thành phố C.

Bị đơn: Ông **Trần Duy T**, sinh năm 1959; – Có mặt
Địa chỉ: Số 30, khu vực T, phường T, quận O, thành phố C.

Người làm chứng:
1/ Ông **Trần Duy L**, sinh năm 1961 - vắng mặt
Địa chỉ: KV. T, phường T, quận O, thành phố C.
2 Ông **Trần Hữu P**, sinh năm 1971 – vắng mặt
Địa chỉ: KV. T, phường T, quận O, thành phố C.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà **Trần Tuyết M**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện như sau:

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Trần Tuyết M là ông Huỳnh Tuấn K trình bày:

Ngày 11/3/2009 bà M có vay của Ngân hàng TMCP M số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 0,85%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, khoảng nửa tháng sau, bà Mai có cho ông Trần Duy T mượn lại 10.000.000 đồng để mua máy tính laptop, ông T có nghĩa vụ trả lãi và trả vốn hàng tháng cho bà M theo tiền vốn gốc tương ứng cùng với lãi suất vay tại Ngân hàng để bà M trả lại cho Ngân hàng. Thế nhưng, sau khi hết hạn thanh toán ngân hàng, ông T chỉ trả được khoản tiền lãi là 2.635.000đồng (thay vì phải trả số tiền 10.000.000 đồng x 0,85%/tháng x 36 tháng = 3.060.000 đồng), số tiền lãi còn lại bà M cho ông T. Đến năm 2016 bà M mới yêu cầu ông T trả số tiền vốn gốc 10.000.000 đồng; khi bà M yêu cầu thì ông T trả lời *"Tao không trả mày làm gì Tao?"* nên bà M có gửi đơn đến Trường Cao Đẳng C (sau đây gọi tắt là Trường) nơi ông T đang công tác để yêu cầu giải quyết và ông T đã thừa nhận có mượn 10.000.000 đồng (Theo văn bản làm việc ngày 22/12/2016 của Trường).

Vào ngày 21/01/2017 tại Ban hòa giải khu vực T, phường T, quận O ông T thừa nhận có mượn 5.000.000 đồng.

Nay bà M yêu cầu ông Trần Duy T phải trả số tiền 10.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Việc cho mượn trên không có làm giấy tờ gì, bà M có ghi âm bằng điện thoại, thể hiện ông T thừa nhận có mượn bà M 10.000.000 đồng, nhưng do điện thoại của bà M bị hỏng nên bà M không cung cấp cho Tòa án được.

Bị đơn ông Trần Duy T trình bày:

Ông T thừa nhận có mượn bà M 5.000.000 đồng từ nguồn tiền của bà M vay của Ngân hàng TMCP M 40.000.000đồng vào ngày 11/3/2009 nhưng đã trả xong, thời điểm trả nợ song song với việc bà M trả Ngân hàng, ông không nhớ hình thức trả như thế nào và cũng không nhớ rõ là số tiền lãi đã trả là bao nhiêu, khi mượn và khi trả cũng không có làm giấy tờ.

Tại văn bản số 218 ngày 22/12/2016 của Trường có ghi nội dung ông T có mượn của bà M 10.000.000 đồng, đó là lời trình bày của bà M, ông T chỉ thừa nhận mượn của bà M số tiền là 5.000.000 đồng. Ông T cũng nhờ Trường xác nhận lại nội dung trên tại Tờ trình ngày 12/4/2017. Ông T cũng không thừa nhận có trả lời "Tao không trả mày làm gì tao"

Hiện tại, ông T không còn nợ bà M nên ông không đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng như bà M yêu cầu. Còn về số tiền lãi bên nguyên đơn đã thừa nhận bên bị đơn đã nộp được 2.635.000đồng, ông T không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì.

Người làm chứng ông Trần Duy L trình bày: Ông có nghe bà M kể lại, vào ngày 11/3/2009 bà M có vay của Ngân hàng TMCP M 40.000.000 đồng, sau đó bà M có cho ông T mượn 10.000.000đồng để mua laptop, khi bà M trả tiền cho Ngân hàng xong thì bà M có yêu cầu ông T trả thì ông T nói *"Tao không trả*

mày làm gì Tao". Ông cam kết lời trình bày là sự thật, nếu sai ông hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người làm chứng ông Trần Hữu P thống nhất trình bày: Nội dung giống như lời trình bày của ông L.

Vụ việc được hòa giải không thành nên tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân O đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Duy T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Tuyết M số tiền **5.000.000** đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì bị đơn còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 5.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/3/2017: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Trần Duy T trả số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

* Đại diện ủy quyền nguyên đơn: Vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền 10.000.000 đồng.

* Bị đơn: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận nợ nguyên đơn 5.000.000 đồng.

**** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. C tham gia phiên tòa:***

Về tố tụng: Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn quy định của pháp luật nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức. Về hình thức: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định đã nộp tạm ứng án phí nên được xem là hợp lệ.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông T trả số tiền 10 triệu đồng là có căn cứ chấp nhận là tờ xác nhận Trường C số 218 ngày 22/12/2016 do Phó hiệu trưởng ký nên có căn cứ hơn. Tại phiên tòa hôm nay ông T không xác định được số tiền ông T đã trả cho bà M, trả trong thời gian nào. Việc làm lại tờ trình ngày 12/4/2017 là sau ngày bà M khởi kiện tại tòa án.

Như đã phân tích trên, lý do nguyên đơn kháng cáo là có cơ sở xem xét là đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra lại các chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật*:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 10.000.000 đồng bị đơn đã mượn của nguyên đơn, không yêu cầu tính lãi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp.

[2].*Về tố tụng*:

- Về việc triệu tập đương sự tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có nhận được yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị triệu tập Lãnh đạo Trường C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng xét thấy quan hệ vay mượn tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Trường nên Tòa án không chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn không yêu cầu nên việc kháng cáo đề nghị triệu tập tại cấp phúc thẩm là không cần thiết.

-Về thời hiệu khởi kiện: Do tại biên bản hòa giải tại khu vực T, phường T, quận O ngày 21/01/2017 thì ông T thừa nhận có mượn của bà M 5.000.000 đồng. Đối chiếu với Điều 157 BLDS năm 2015 thì đây là trường hợp được tính bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện. Do đó, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 22/01/2017, tính đến ngày bà M nộp đơn khởi kiện 13/3/2017 chưa hết 03 năm, vì vậy cấp sơ thẩm vận dụng theo Điều 429 Bộ luật dân sự xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn là phù hợp.

[3].*Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Xét thấy, nguyên đơn cho rằng có cho bị đơn mượn 10 triệu đồng, bị đơn chỉ thừa nhận có mượn 5.000.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là văn bản làm việc của Trường đối với các đương sự ngày 22/12/2016 (bản sao) và biên bản hòa giải tại khu vực ngày 21/01/2017 (bản sao). Văn bản làm việc ban đầu ngày 22/12/2016 do Phó hiệu trưởng Trường ký là đúng với nội dung được ghi nhận và phản ánh đúng bản chất của sự việc trước khi khởi kiện tại Tòa án. Tại phiên tòa bị đơn không xác định được số tiền đã trả, không xác định được thời gian đã trả và không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc đã trả tiền. Trong khi đó căn cứ văn bản xác nhận lại ngày 13/4/2017 là sau ngày nguyên đơn khởi kiện do Trưởng phòng Tổ chức hành chính ký xác nhận là chưa phù hợp, chưa khách quan, ký sau khi nguyên đơn khởi kiện.

Đối với các ý kiến của những người làm chứng của ông Trần Hữu P và ông Trần Duy L, hai ông đều là anh em ruột của nguyên đơn và bị đơn, Ông L và ông P khai biết việc bà M cho ông T mượn nợ nhưng các ông không tận mắt chứng kiến mà chỉ nghe nói lại. Ông L và ông P là anh em trong cùng gia đình, lời khai của ông L và ông P dùng để dánh giá tham khảo.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định bị đơn có vay mượn của nguyên đơn là 10.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 21/01/2017 ông T không nêu được ngày tháng trả tiền cho bà M. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông T xác định ông đã trả tiền xong vào tháng 9/2009. Trình bày của ông T là không phù hợp với nội dung ông đã trình bày trước đây. Về phần tiền lãi bà M đã thừa nhận đã nhận của ông T 2.635.000 đồng. Ông T cho rằng mỗi tháng ông đã đóng lãi cho bà M 85.000 đồng x 31 tháng. Đây là căn cứ cho thấy lời trình bày của nguyên đơn bà M thuyết phục hơn. Phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Phía ông T có trình bày chưa rõ ràng, không xác định được số tiền đã trả và thời gian trả.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét lại.

Từ những phân tích trên, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng**:

Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 471, 474 và 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 157, 357, 429 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Duy T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Tuyết Mai số tiền **10.000.000** đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì bị đơn còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Duy T phải nộp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Bà Trần Tuyết M được nhận lại 250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận O theo biên lai thu số 001183 ngày 22/3/2017.

Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nguyên đơn được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2011/001318 ngày 19/6/2017 tại Chi Cục thi hành án quận O, thành phố C thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2017).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. C;
- TAND quận O;
- Chi cục THADS quận O;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang